

Bản án số: 07/2021/LĐ-ST
Ngày: 14 - 5 - 2021
V/v tranh chấp về quyền, lợi ích liên
quan đến việc làm, tiền lương.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Ông Phan Minh Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Từ ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/LĐST ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2021/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Trọng C, sinh năm 1977; Cư trú tại: Thôn 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ liên lạc: Số 29/2/2 đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ Phần H; Địa chỉ: Số 160/24/19 đường P, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Đức V, sinh năm 1981; Chức danh: Tổng Giám đốc; Cư trú tại: Số 30/17 đường R, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2020, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phan Trọng C trình bày: Ông Phan Trọng C có

làm việc tại Công ty Cổ phần H (gọi tắt là Công ty) trong khoảng thời gian từ ngày 16/3/2020 đến ngày 16/7/2020. Đến ngày 15/7/2020, Công ty cho ông C nghỉ việc và còn nợ lương ông với số tiền là 38.706.000 (ba mươi tám triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn) đồng. Ông C đã làm đơn trình lên Phòng Lao động thương binh xã hội quận Gò Vấp để yêu cầu giải quyết, sau 02 (hai) lần hòa giải với nội dung ghi nhận ý kiến của bà Đoàn Thị Thu H đại diện Công ty “đồng ý thanh toán lương cho người lao động (chuyển khoản) Ông C 38.300.000 (ba mươi tám triệu ba trăm nghìn) đồng, đợt 1: 10.000.000 (mười triệu) đồng thanh toán ngày 25/8/2020, đợt 2: 10.000.000 (mười triệu) đồng thanh toán ngày 25/9/2020, đợt 3: 18.300.000 (mười tám triệu ba trăm nghìn) đồng thanh toán ngày 10/11/2020”. Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại buổi hòa giải ngày 26/3/2021 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp có ghi nhận Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ghi nhận ý kiến của ông C “Công ty còn nợ lương ông với số tiền 40.706.000 (bốn mươi triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo bảng xác nhận lương của Công ty ngày 16/7/2020 (trong đó tiền nợ lương chốt đến ngày 15/7/2020 là 40.300.000 đồng; tiền nợ liên quan đến chi phí photo và in bản vẽ là 406.000 đồng). Công ty đã chuyển khoản cho ông số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng. Số tiền hiện nay Công ty còn nợ ông là 38.706.000 (ba mươi tám triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn) đồng”.

Ngày 01/4/2021, ông Phan Trọng C làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời ông Chiến làm đơn xác định lại số tiền lương mà ông yêu cầu Công ty Cổ phần H còn nợ ông là 38.300.000 đồng, ông yêu cầu Công ty Cổ phần H phải trả lại cho ông số tiền còn thiếu là 38.300.000 đồng. Ông C không yêu cầu tính lãi trên số tiền lương Công ty còn nợ, không yêu cầu Bảo hiểm xã hội.

Bị đơn Công ty Cổ phần H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1/ Về tố tụng:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm:

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định

tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phan Trọng C có làm việc tại Công ty Cổ phần H trong khoảng thời gian từ ngày 16/3/2020 đến ngày 16/7/2020. Đến ngày 15/7/2020, Công ty cho ông C nghỉ việc và còn nợ lương ông với số tiền là 40.706.000 (bốn mươi triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn) đồng. Ngày 14/9/2020 ông Phan Trọng C có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty trả cho ông số tiền lương mà Công ty còn nợ ông. Vì vậy đây được xác định là vụ án lao động liên qua tới “tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương” nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo điểm b Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về điều kiện khởi kiện: Căn cứ vào biên bản hòa giải tranh chấp hợp đồng lao động số 673/BB-LĐTĐBXH ngày 30/7/2020 và Biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động số 871/BB-LĐTĐBXH ngày 07/9/2020, nguyên đơn đủ điều kiện nộp đơn khởi kiện và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 201, Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa vào ngày 22/4/2021 và ngày 14/5/2021 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của Pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nguyên đơn ông Phan Trọng C: Ông Phan Trọng C yêu cầu Công ty Cổ phần H trả cho ông số tiền lương của ông C mà Công ty còn nợ ông là 38.300.000 (ba mươi tám triệu ba trăm ngàn) đồng. Ông C không yêu cầu tính lãi trên số tiền lương Công ty còn nợ, không yêu cầu Bảo hiểm xã hội.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Phan Trọng C đã làm việc tại Công ty Cổ phần H trong khoảng thời gian từ 16/3/2020 đến 16/7/2020 và Công ty xác nhận là Công ty còn nợ lương ông C được xác nhận bởi ông Trương Đức V – Tổng Giám đốc Công ty thông qua Bảng xác nhận lương lập ngày 16/7/2020. Như vậy dù giữa hai bên không có ký

Hợp đồng lao động nhưng giữa ông Phan Trọng C và Công ty Cổ phần H có quan hệ pháp luật lao động theo quy định của Bộ luật Lao động 2012.

Xét theo Bảng xác nhận lương được lập ngày 16/7/2020 có xác nhận của ông Trương Đức V – Tổng Giám đốc thì Công ty Cổ phần H có nghĩa vụ phải trả cho ông Phan Trọng Chiến số tiền lương mà Công ty còn nợ ông Chiến là 38.300.000 đồng. Căn cứ Điều 96 Bộ Luật lao động 2012 Công ty có trách nhiệm trả lương đầy đủ và đúng hạn cho ông C và chịu lãi nếu việc trả lương không được thực hiện đúng hạn, tuy nhiên ông C không yêu cầu tính lãi do đó Tòa chấp nhận ý kiến của ông C. Ngày 01/4/2021, ông C làm đơn xác định lại số tiền lương ông yêu cầu Công ty H phải trả từ 38.706.000 đồng xuống còn 38.300.000 đồng. Xét số tiền ông C yêu cầu thấp hơn số tiền theo đơn khởi kiện ban đầu và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng C yêu cầu Công ty Cổ phần H trả cho ông số tiền lương mà Công ty còn nợ ông là 38.300.000 (ba mươi tám triệu ba trăm ngàn) đồng.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng C được chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Công ty Cổ phần H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 18, Điều 96 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng C:

- Buộc Công ty Cổ phần H phải trả cho ông Phan Trọng C số tiền 38.300.000 (ba mươi tám triệu ba trăm ngàn) đồng, trả một lần ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần H phải chịu án phí sơ thẩm. Án phí sơ thẩm được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, mức án phí sơ thẩm là 1.915.000 (một triệu chín trăm mười lăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS quận Gò Vấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng